FireAnt

CTCP Sơn Hà Sài Gòn (HSX: SHA)

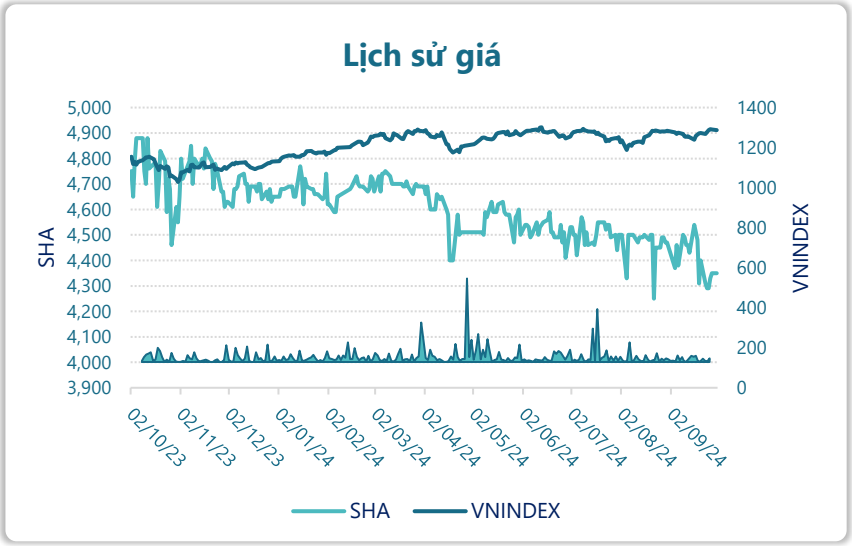

Thông tin giao dịch	30/09/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**4,350**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	4,880
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,250
SL cổ phiếu LH	33,446,675
KLGD BQ 20 phiên (CP)	12,685
% sở hữu nước ngoài	0.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	145
P/E	10.0
EPS	433

DT thuần

Q3/24

299

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 36.0| 13.7%

YoY: ▲ 9.00| 3.1%

LN sau thuế

Q3/24

4.32

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.18| 4.3%

YoY: ▲ 0.22| 5.3%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/24

4.7%

+/- YoY: ▼ 0.5%

DT thuần

9T 2024

835

tỷ VNĐ

YoY: ▼7.00| -0.8%

LN sau thuế

9T 2024

11.8

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.60| 5.4%

ROE

Q3/24

3.5%

+/- YoY: ▼ 0.3%

Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh

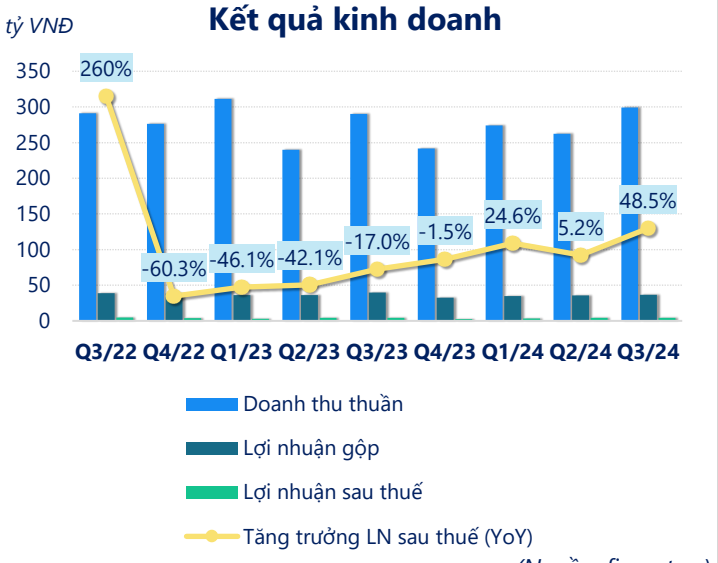

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

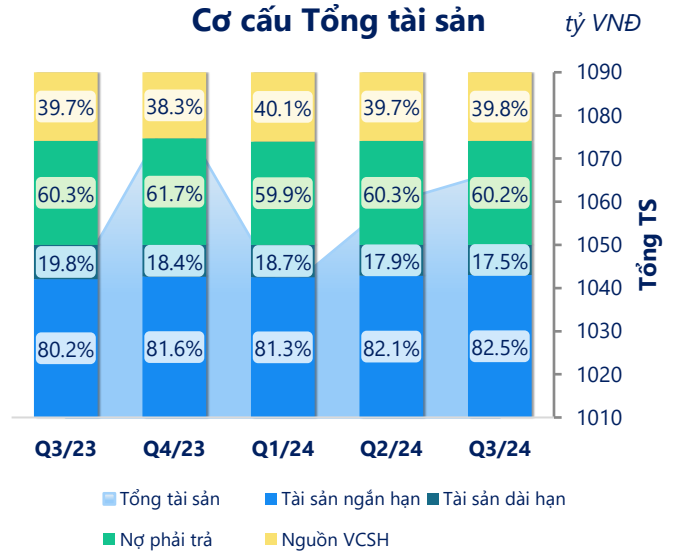

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

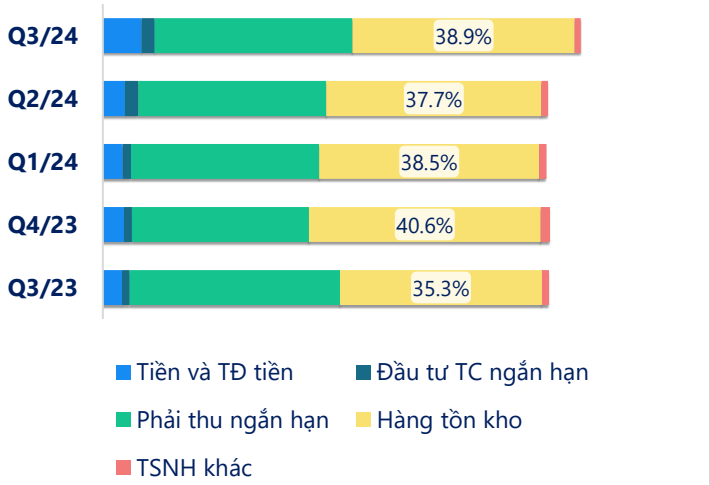

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

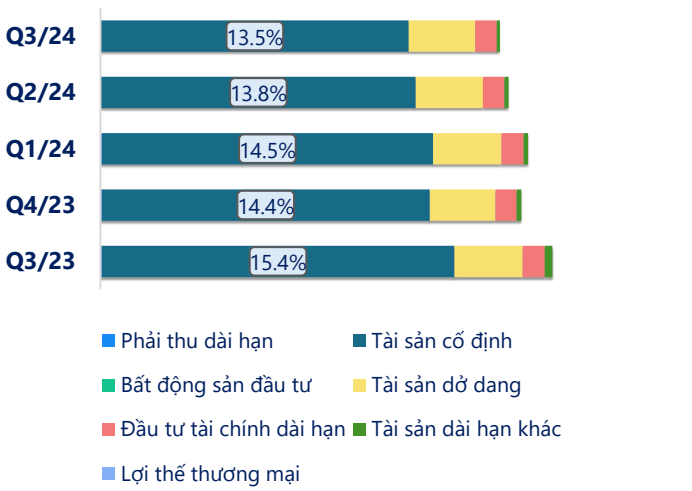

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

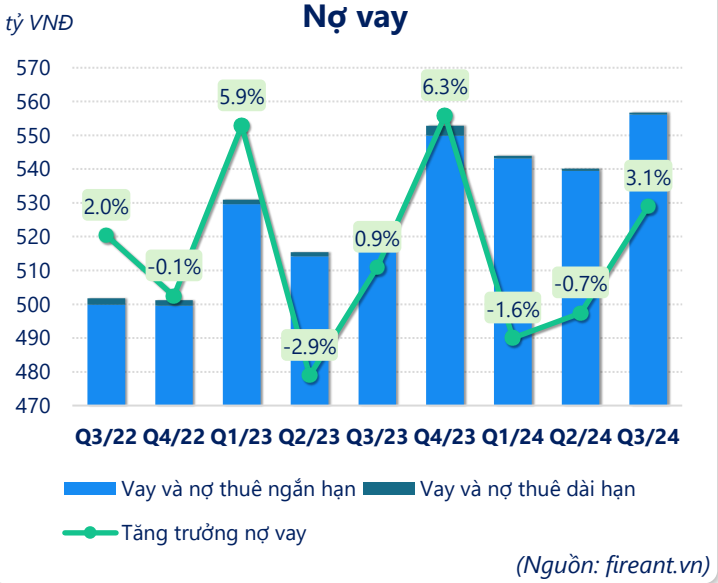

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

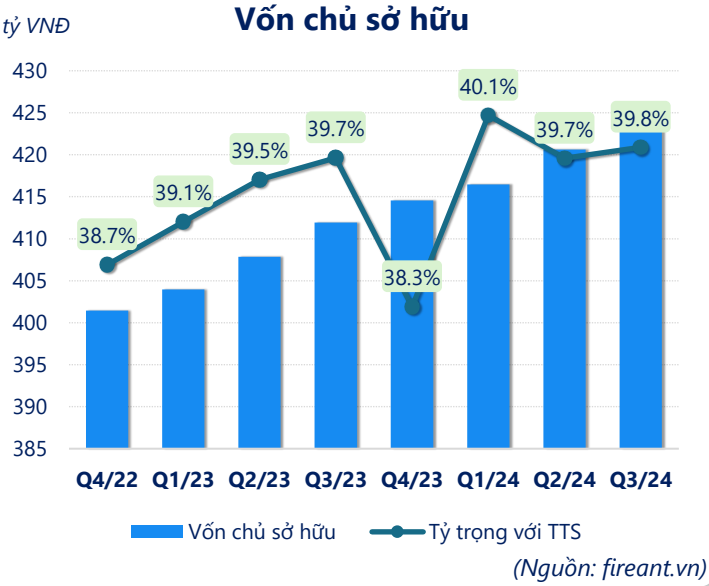

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

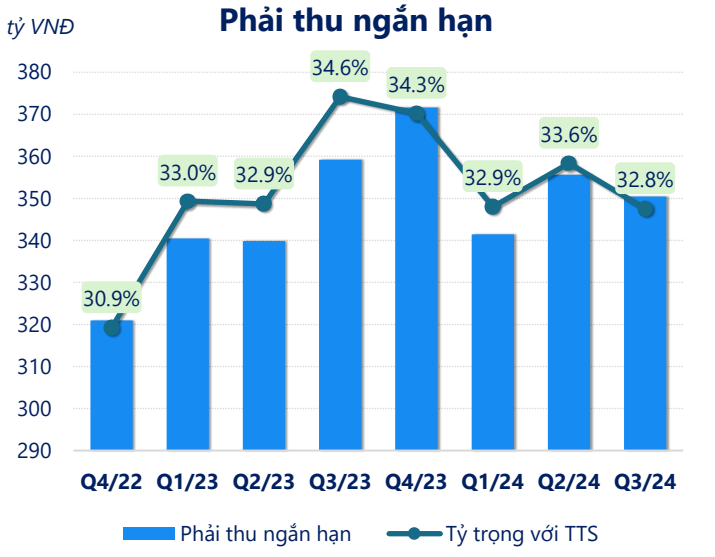

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

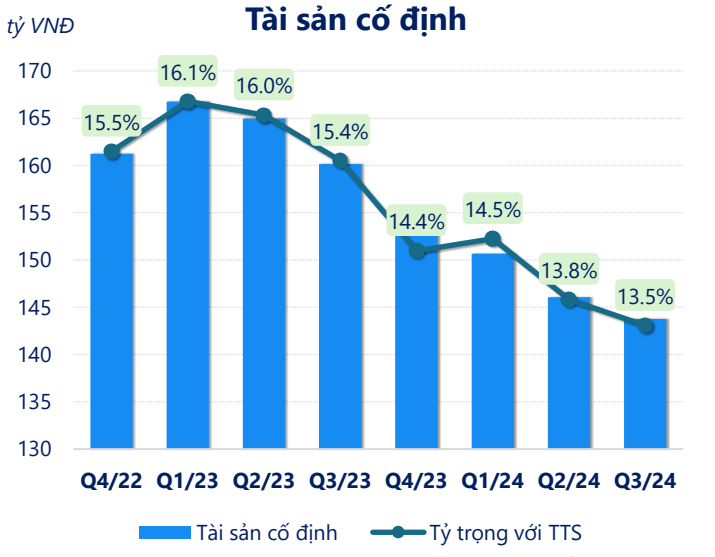

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

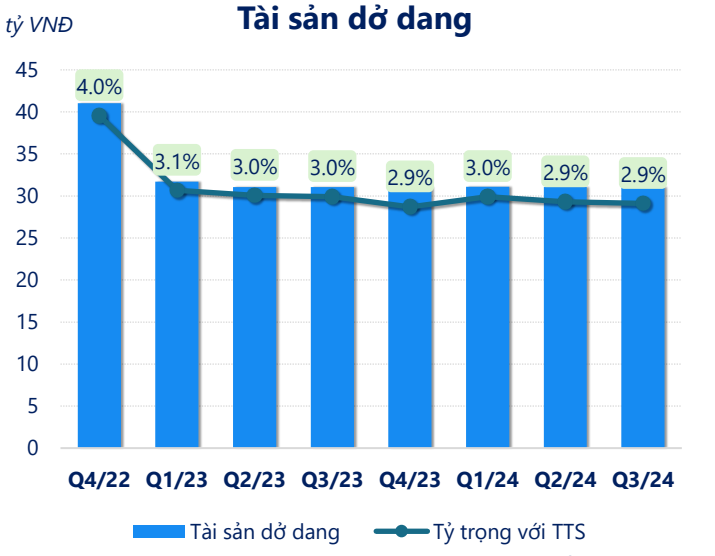

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

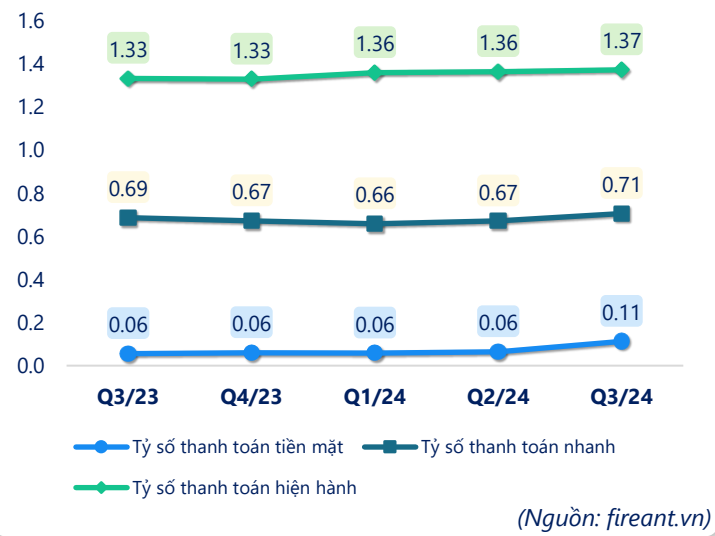

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

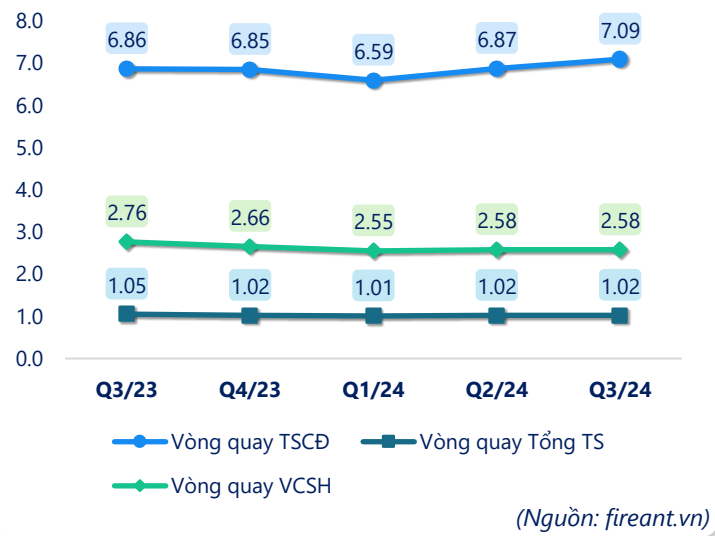

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Tổng tài sản	**1,038**	**1,082**	**1,039**	**1,060**	**1,067**
Tài sản ngắn hạn	**833**	**883**	**845**	**870**	**881**
Tiền và tương đương tiền	34.7	39.8	36.2	41.1	72.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	24.0	19.2	18.2	19.2	21.2
Phải thu ngắn hạn	359	372	341	356	350
Hàng tồn kho	404	436	436	442	428
Tài sản ngắn hạn khác	11.0	15.6	13.0	12.4	9.03
Tài sản dài hạn	**205**	**199**	**194**	**189**	**187**
Phải thu dài hạn	0.55	0.55	0.55	0.20	0.20
Tài sản cố định	160	155	151	146	144
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	31.0	31.0	31.1	31.0	31.0
Đầu tư tài chính dài hạn	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0
Tài sản dài hạn khác	3.45	2.34	2.03	1.97	1.60
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**626**	**667**	**622**	**639**	**643**
Nợ ngắn hạn	**625**	**664**	**621**	**638**	**642**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	519	550	543	539	556
Phải trả người bán ngắn hạn	87.9	96.7	64.3	79.6	65.7
Nợ dài hạn	1.28	3.15	1.03	0.85	0.79
Vay và nợ thuê dài hạn	1.04	2.91	0.79	0.62	0.56
Nguồn vốn chủ sở hữu	**412**	**415**	**416**	**421**	**425**
Vốn chủ sở hữu	**412**	**415**	**416**	**421**	**425**
Vốn điều lệ	334	334	334	334	334
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)